

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM KIM SA GIANG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM KIM SA GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM SA GIANG FOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTY CP THỰC PHẨM KIM SA GIANG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602169781

**3. Ngày thành lập:** 21/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 14-2, căn số 08, đường số 03, khu nhà ở xã hội, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0918.823.362

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán, ký gửi và phân phối hàng hóa                                                                                                                                                                                                      | 4610                                                         |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu cá, mỡ cá, và các mặt hàng nông sản, động vật sống khác                                           | 4620                                                         |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu các mặt hàng thủy sản tươi sống, đông lạnh và qua chế biến các mặt hàng thực phẩm khác                                                                                                                                                | 4632                                                         |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4633                                                         |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh phế liệu, phế phẩm, phụ phẩm, hóa chất, phụ gia thực phẩm, bao bì giấy, nhựa, gỗ, dây day, băng keo các loại                                                                                                        | 4669                                                         |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                               | 0163                                                         |
| 7.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại                                                                                                                                                                            | 7490                                                         |
| 8.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710                                                         |
| 9.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                       | 1020                                                         |
| 10. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1030(Chính)                                                  |
| 11. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                               | 1040                                                         |
| 12. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                         | 1075                                                         |
| 13. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                | 1079                                                         |
| 14. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                 | 1080                                                         |
| 15. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                       | 1104                                                         |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                | 4933                                                         |
| 17. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                           | 5022                                                         |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210                                                         |
| 19. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                | 7730                                                         |
| 20. | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột cá biển, bột đầu tôm, vỏ tôm, cua từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy hải sản; Tái chế các loại phế liệu, phế phẩm, phụ phẩm ngành hải sản                                                                                     | 3830                                                         |
| 21. | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 22/04/2023 đến ngày 22/05/2023

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                            | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM KIM BẠCH KIM | 113/32 Vành Đai Phi Trường, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     | 1801410747                                                                                  |         |
|     |                                        |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Tổng số                   | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Cổ phần phổ thông         | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ M&A             | Áp Mỹ Hiệp 1, Xã Tân Tiến, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 600.000    | 6.000.000.000         | 20,000    | 6300298081                                                                                  |         |
|     |                                        |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         | Tổng số                   | 600.000    | 6.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                                        |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                 |                                    |         |               |        |                  |
|---|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | PHẠM THỊ BÉ<br>NGOAN | KV Bình Thới 2,<br>Phường Bình<br>Khánh, Thành<br>phố Long Xuyên,<br>Tỉnh An Giang,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 600.000 | 6.000.000.000 | 20,000 | 0891770051<br>72 |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                 | Tổng số                            | 600.000 | 6.000.000.000 | 20,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ BÉ NGOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089177005172

Ngày cấp: 31/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: KV Bình Thới 2, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: KV Bình Thới 2, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang